

Bản án số: **12/2021/DS-ST**.

Ngày: 18/01/2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán  
và hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Thân Văn Kỳ**.

+ Ông **Lê Văn Thành**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 355/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán và Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Ngọc Q**, sinh năm 1968 (có đơn xin mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1970 (vắng mặt không lý do)

Anh **Nguyễn Văn O**, sinh năm: 1965. (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**I/ Phần trình bày của nguyên đơn anh Lê Ngọc Q:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Ngọc Q trình bày:*

Anh bán vật tư nông nghiệp tại ấp A, xã B, huyện T. Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn O đến mua vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần. Khi mua bán hai bên thỏa thuận là trả tiền mặt, nếu khi nào không có tiền trả thì ghi sổ theo dõi và phải chịu tiền lãi suất là 1,5% tháng. Từ ngày 13/6/2019 đến ngày 17/4/2020 vợ chồng chị H và anh O mua nhiều lần có

trả tiền mặt và còn nợ lại số tiền là 21.200.000đ. Sau đó chị H và anh O không mua vật tư nông nghiệp của anh Q nữa và cũng không trả số tiền còn nợ.

Nay anh Q yêu cầu chị H và anh O trả 21.200.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và trả lãi theo qui định pháp luật từ ngày 23/4/2020 đến nay.

-Ngoài ra vào ngày 23/4/2020 anh có cho chị H vay 50.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5% tháng. Thời hạn vay là 1 tháng đến ngày 23/5/2020 chị H trả vốn và lãi. Lý do vay là để chị H đáo hạn Ngân hàng. Nhưng đến nay chị H không trả vốn và lãi cho anh Q. Nay anh Q yêu cầu chị H và anh O trả số vốn vay trên và lãi suất phát sinh theo qui định pháp luật.

Trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và tiền vay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

## **II/ Phần trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn O.**

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn O dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh Q đòi chị H và anh O trả 21.200.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và 50.000.000đ tiền vay và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần để giải quyết vụ án. Chị H và anh O đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị H và anh O vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của anh chị cũng như yêu cầu khởi kiện của anh Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng dân sự:**

##### **-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Anh Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay với chị H và anh O có địa chỉ tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

##### **-Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự.**

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn O là bị đơn trong vụ án, dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh Q đòi chị H và anh O trả 21.200.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và 50.000.000đ tiền vay và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần để giải quyết vụ án. Chị H và anh O đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị H và anh O vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của anh chị. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt chị H và anh O.

Đối với anh Q có đơn xin vắng mặt nộp trực tiếp tại Tòa án xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay do bận việc gia đình. Nhận thấy đơn xin vắng mặt của anh Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp qui định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 xét xử vụ án vắng mặt anh Q.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**-Xét hợp đồng mua bán và hợp đồng vay:**

-Nguyên đơn anh Q khởi kiện đòi chị H và anh O trả 21.200.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ chứng minh bằng sổ ghi chép mặt hàng mua bán phân, thuốc..., số tiền từng loại từ ngày 13/6/2019 đến ngày 17/4/2020. Theo anh Q khai là khi mua bán hai bên thỏa thuận là bằng tiền mặt, nếu chị H và anh O không có tiền thì anh ghi vào sổ theo dõi, khi nào anh O và chị H trả tiền thì anh xóa sổ. Đến ngày 23/4/2020 chị H có hỏi anh vay 50.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, vay tiền lại để trả nợ cho anh. Nên anh tin tưởng cho chị H vay tiền và khi vay có viết biên nhận có nội dung: "... Biên nhận... Tôi Nguyễn Thị H...địa chỉ ấp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Trung... có nhận số tiền của anh Lê Ngọc Q, địa chỉ:...50.000.000đ (bằng chữ... đến ngày 23/5/2020 sẽ trả đủ. Nếu không đúng hẹn tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, Phú Điền ngày 23 tháng 4 năm 2020 (dl) người mượn ký tên "Hoa" Nguyễn Thị H..."

-Còn bị đơn chị H và anh O dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh Q đòi chị H và anh O trả 21.200.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và 50.000.000đ tiền vay và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần để giải quyết vụ án. Chị H và anh O đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị H và anh O vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của anh chị, cũng như yêu cầu khởi kiện của anh Q. Xem như chị H và anh O từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là hiện nay chị H và anh O còn nợ anh Q 21.200.000đ tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và 50.000.000đ tiền vay là có căn cứ đúng qui định pháp luật.

**-Xét yêu cầu tính lãi:**

Theo anh Q trình bày là khi mua bán là mua bán bằng tiền mặt, nếu lần nào mua không có tiền mặt thì anh ghi sổ và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng; Đối với hợp đồng vay là hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Nhưng tại sổ ghi chép mua bán giữa anh Q với chị H và biên nhận nợ không thể hiện hai bên có thỏa thuận tiền lãi là bao nhiêu. Mặt khác chị H và anh O vắng mặt không có ý kiến gì về việc tính lãi. Hơn nữa thời gian vay cũng như thời gian giao dịch cuối cùng giữa hai bên là ngày 23/4/2020. Mặt khác việc chậm thanh toán các khoản tiền vay và tiền nợ nói trên của bị đơn là gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả là 10%/năm, tương đương 0,833% tháng. Đối với số tiền vay và tiền nợ còn lại là 71.200.000đ. Thời gian chậm trả từ ngày

23/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/01/2021 là 8 tháng 25 ngày. Cụ thể  $71.200.000đ \times 0,833\% / \text{tháng} \times 8 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 5.239.000đ$ .

**-Xét yêu cầu của anh Q buộc chị H với anh O liên đới trả nợ.**

Nhật thấy anh O với chị H là vợ chồng, chị H với anh O cùng mua phân bón thuốc trừ sâu của anh Q về sản xuất nông nghiệp nhằm phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác theo anh Q khai chị H vay tiền anh nhằm là để đáo hạn ngân hàng do vợ chồng chị vay. Còn anh O và chị H vắng mặt và không có ý kiến gì về việc yêu cầu khởi kiện của anh Q. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc chị H và anh O liên đới trả nợ cho anh Q là có căn cứ đúng qui định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

**-Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.**

Nhận thấy theo anh Q trình bày thì khi mua bán phải trả tiền mặt, nếu có thiếu lại thì phải chịu lãi. Mặt khác chị H có thỏa thuận khi vay tiền anh là để đáo hạn Ngân hàng sau đó vay lại trả cả hai khoản nợ này cho anh trong thời hạn 1 tháng đến ngày 23/5/2020 là ngày trả nợ cuối cùng, nhưng đến nay không thực hiện là gây thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cho thấy bị đơn là người có lỗi vi phạm nghĩa vụ cam kết của mình. Nay anh Q yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Q, nên bị đơn chị H và anh O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật, là  $5\%$  đối với số tiền tranh chấp  $71.200.000đ$  vốn +  $5.239.000đ$  lãi suất phát sinh  $\times 5\% = 3.821.900đ$ .

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 288, 430, 440 và 463, 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc Q.

- Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn O liên đới trả cho anh Q 21.200.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ; 50.000.000 đồng tiền vay và lãi suất phát sinh là 5.239.000 đồng. Cộng chung là 76.439.000 đồng (bảy mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H với anh O chậm thực hiện nghĩa vụ cấp trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị H và anh O liên đới chịu 3.821.900 đồng (Ba triệu , tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Q số tiền tạm ứng án phí là 1.780.000đ (Một triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) theo biên lai số 0004141 ngày 08/10/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn anh Q, chị H và anh O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**PHẠM THANH DŨNG**